

Số: 54/2021/QĐST-HNGĐ

Ba Bể, ngày 08 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1997 - Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện Ng, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh **Đổng Văn Kh**, sinh năm 1996 - Trú tại: Thôn N, xã Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị S sinh năm 1997 và anh Đổng Văn Kh, sinh năm 1996.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị S và anh Đổng Văn Kh thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Đồng Văn Kh có trách nhiệm trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung Đồng Minh N, sinh ngày 04/6/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị S và anh Đồng Văn Kh tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S và anh Kh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị S và anh Đồng Văn Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị S và anh Đồng Văn Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị S phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; anh Đồng Văn Kh phải chịu 75.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Nguyễn Thị S tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị S đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001017 ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B. Chị Nguyễn Thị S được hoàn trả lại số tiền là 150.000^d (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị Nguyễn Thị S đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- VKSND huyện B (02b);
- Chi cục THADS huyện B (01b);
- UBND xã Ch (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu VP (01b).

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng